

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo
Thạc sĩ ngành Nhi khoa cập nhật năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2502/QĐ-ĐHYD ngày 29/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Nhi khoa ban hành kèm theo Công văn số 624/ĐHYD-TTKT ngày 18/6/2024;

Căn cứ Biên bản cuộc họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Trường ĐHYD ngày 01/8/2024,

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Nhi khoa cập nhật năm 2024 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng, khoa, bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2024-2025.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các phòng, khoa, bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, MC.

HIỆU TRƯỞNG 

PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ NGÀNH NHI KHOA**

THÁI NGUYÊN, NĂM 2024

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo (1-2 năm) người học đạt được các mục tiêu sau:	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tâm nhìn	Luật Giáo dục Đại học
I. Kiến thức				
PEO 1	Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành Nhi khoa.	x	x	x
II. Kỹ năng				
PEO 2	Có khả năng thực hiện hiệu quả một số thủ thuật, kỹ thuật; các kỹ năng chỉ định xét nghiệm, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, dự phòng và xử trí cấp cứu các bệnh thường gặp thuộc ngành Nhi khoa.	x	x	x
PEO 3	Có khả năng giao tiếp, truyền đạt và phối hợp chuyên nghiệp với người bệnh, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn.	x	x	x
PEO 4	Có khả năng độc lập trong nghiên cứu khoa học và thiết lập nhóm nghiên cứu trong thực hành và phát triển nghề nghiệp.	x	x	x
III. Mức tự chủ và trách nhiệm				
PEO 5	Có khả năng chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp; chủ động học tập nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)	Trình độ năng lực	Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
PLO 9	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	4/5	x	
PLO 10	Chủ động học tập, cập nhật, nghiên cứu và đưa ra những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong ngành Nhi khoa	4/5	x	
PLO 11	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	4/5	x	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
PEO 1	x	x									
PEO 2			x	x	x	x					
PEO 3					x	x	x				
PEO 4							x	x			
PEO 5									x	x	x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành Y khoa.
- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.
- Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định hiện hành).
- Nộp hồ sơ, lệ phí đăng kí dự tuyển đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

2. Điều kiện tốt nghiệp

- Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu, cụ thể:

TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP SH	KH thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
8	NOTN5312	Truyền nhiễm	2 (1/1)	15	30	70				1
9	NODL5312	Da liễu	2 (1/1)	15	30	70				1
10	NOSL5312	Sinh lý bệnh- Miễn dịch	2 (2/0)	30	0	70				1
11	NOPT5312	Phôi thai	2 (2/0)	30	0	70				1
III	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH: 33 tín chỉ (55%)									
3.1	Học phần bắt buộc: 21 tín chỉ (35%)									
12	NOSS5415	Sơ sinh - Cấp cứu	7 (3/4)	45	120	185				2
13	NODD5415	Dinh dưỡng- Tiêu hóa	7 (3/4)	45	120	185				2
14	NOTA5415	Tim mạch - Hô hấp	7 (3/4)	45	120	185				2-3
3.2	Học phần tự chọn: 12 tín chỉ - chọn 2 trong 4 học phần									
15	NOHH5515	Huyết học - Tiết niệu	6 (2/4)	30	120	150				3
16	NOTB5515	Tâm bệnh- Thần kinh	6 (2/4)	30	120	150				3
17	NONT5515	Nội tiết- chuyển hóa di truyền	6 (2/4)	30	120	150				3
18	NONN5515	Ngoại nhi	6 (2/4)	30	120	150				3
4	TỐT NGHIỆP: 8 tín chỉ (13,3%)									
19	NOLV5818	Đề án tốt nghiệp	8 (0/8)	0	240	160	HCPP 5013			2,3,4
Tổng số			60 (24/36)	345	1080	1575				

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của học phần (PLO)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	HCTH5013	M									M	M
2	HCPP5013	H							H		H	H
3	HCPH5113	H						M			M	H
4	HCPA5113	H						M			M	H
5	NOTM5212		M	M	M	M	M	M		M	M	M
6	NOCĐ5212		M		M	M				M	M	M
7	NOQL5212		M					M		M	M	M
8	NOTN5312		M	M	M	M	M	M		M	M	M
9	NODL5312		M	M	M	M	M	M		M	M	M
10	NOSL5312		M		M						M	
11	NOPT5312		M		M						M	
12	NOSS5417		H	H	H	H	H	H		H	H	H
13	NODD5417		H	H	H	H	H	H		H	H	H
14	NOTA5417		H	H	H	H	H	H		H	H	H
15	NOHH5516		H	H	H	H	H	H		H	H	H
16	NOTB5516		H	H	H	H	H	H		H	H	H
17	NONT5516		H	H	H	H	H	H		H	H	H
18	NONN5516		H	H	H	H	H	H		H	H	H
19	NOLV5818	M	M	M	M	M	M	M	H	H	H	H

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

1.1. Đối với các HP cơ bản, cơ sở

Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	Đánh giá ý thức của người học thông qua điểm danh; mức độ hoàn thành bài tập; mức độ tự giác, chủ động tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến Qua hồ sơ học tập của người học (chỉ tiêu): ghi chép đầy đủ, trung thực.	10%
Thường xuyên	Tự luận hoặc MCQ	10%
Thi giữa kỳ	Giải quyết các tình huống lâm sàng (đánh giá theo đáp án) hoặc chấm tiểu luận	30%
Thi kết thúc học phần	- Kỹ năng viết và báo cáo chuyên đề (Đánh giá qua phiếu chấm của các thành viên của hội đồng). - Được thực hiện vào tuần cuối của mỗi học phần	50%

1.2. Đối với các HP chuyên ngành

Hình thức đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	Đánh giá ý thức của người học thông qua điểm danh; mức độ hoàn thành bài tập; mức độ tự giác, chủ động tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến Qua hồ sơ học tập của người học (chỉ tiêu): ghi chép đầy đủ, trung thực.	10%
Thường xuyên	Giải quyết các tình huống lâm sàng (đánh giá theo đáp án)	10%
Thi giữa kỳ	Giải quyết các tình huống lâm sàng (đánh giá theo đáp án)	30%
Thi kết thúc học phần	- Kỹ năng viết và báo cáo chuyên đề (Đánh giá qua phiếu chấm của các thành viên của hội đồng) - Các kỹ năng thực hành: khám, chẩn đoán, điều trị, thủ thuật... trên người bệnh (Đánh giá dựa trên bảng kiểm). - Kỹ năng viết, báo cáo ca bệnh - Được thực hiện vào tuần cuối của mỗi học phần	50%

2. Kết quả khảo sát các bên liên quan

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/ giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật và tuân thủ quy định về hành nghề vào mục tiêu CTĐT. - Cách viết chưa tuân theo Hướng dẫn viết mục tiêu và chuẩn đầu tại Quyết định số 1212/QĐ-ĐHYD ngày 09/6/2024. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung nội dung CDR về an toàn người bệnh và sự cố y khoa. - Chính sửa lại mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT theo Hướng dẫn viết mục tiêu và chuẩn đầu tại Quyết định số 1212/QĐ-ĐHYD ngày 09/6/2024
Cựu học viên	Nên bỏ Học phần Thực tập tốt nghiệp vì chủ yếu hệ thống lại các nội dung đã học ở các môn trước đó; lấy số tín chỉ đó bổ sung cho các môn chuyên ngành	Đã bỏ học phần Thực tập tốt nghiệp cho phù hợp với góp ý của cựu người học và phù hợp với yêu cầu của Chuẩn CTĐT tại Thông tư 17/2021/BGDĐT
Nhà tuyển dụng	Nên tăng thời lượng cho các môn chuyên ngành Nhi khoa	Đã tăng thời lượng các môn chuyên ngành bắt buộc từ 5 lên 7 tín chỉ và tăng số tín chỉ tự chọn chuyên ngành từ 10 lên 12 tín chỉ
Giảng viên	<ul style="list-style-type: none"> - Xem xét chỉnh sửa mục tiêu 4, chuẩn đầu ra 4, 8 của CTĐT. - Cần giảm nhẹ yêu cầu của đề án tốt nghiệp so với luận văn và Phòng Đào tạo cần xây dựng hướng dẫn chi tiết hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sửa lại mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT theo Hướng dẫn viết mục tiêu và chuẩn đầu tại Quyết định số 1212/QĐ-ĐHYD ngày 09/6/2024. - Yêu cầu của đề án tốt nghiệp thấp hơn so với yêu cầu của luận văn của CTĐT Bác sĩ nội trú Nhi khoa.
Học viên	<ul style="list-style-type: none"> - Giảm số tín chỉ môn Triết học - Trường nên sắp xếp các môn chung và môn cơ sở ngành học trong kỳ 1 của năm thứ nhất để dồn thời gian học các môn chuyên ngành năm các kỳ sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không thay đổi vì theo Quy định của Nhà nước. - Đã sắp xếp các môn chung và môn cơ sở ngành học trong kỳ 1 của năm thứ nhất.

chuyên cần, bài tập cá nhân/nhóm, bảng kiểm. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 7, 10 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 1,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

B. Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ

5. Học phần Tai mũi họng

Học phần Tai – Mũi – Họng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ củng cố và nâng cao cho người học kiến thức về chẩn đoán và điều trị các bệnh Tai – Mũi – Họng ở trẻ em. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, tự học, giao bài tập, dạy học bên giường bệnh. Phương pháp đánh giá người học thông qua giải quyết các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

6. Học phần Chẩn đoán hình ảnh

Học phần Chẩn đoán hình ảnh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và hỗ trợ, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về chẩn đoán, hình ảnh các bệnh lý Nhi khoa. Học phần còn trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận, giao ban, đọc phim ca lâm sàng, phân tích tổn thương trên hình ảnh. Phương pháp đánh giá người học thông qua quan sát, vấn đáp các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,9,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

7. Học phần Quản lý bệnh viện

Học phần Quản lý bệnh viện là học phần bắt buộc thuộc kiến thức cơ sở ngành và hỗ trợ, được dạy ở học kỳ 1 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học kiến thức về quản lý bệnh viện cơ bản (quy trình quản lý bệnh viện của Việt Nam: dòng bệnh nhân, dòng quản lý, tổ chức hoạt động bệnh viện trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, làm quen với quản lý ở cấp khoa phòng hoặc bệnh viện quy mô nhỏ). Học phần cũng trang bị cho học viên các kỹ năng cơ bản về thực hiện quản lý có hiệu quả nhân lực, tài chính, vật tư và trang thiết bị, công tác dược, kiểm soát nhiễm khuẩn, nguy cơ... ở bệnh viện tuyến huyện, tỉnh. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu văn bản, thực hành quan sát, thảo luận với các cán bộ quản lý của bệnh viện, nghiên cứu các báo cáo của khoa, phòng bệnh viện khi đi thực tế bệnh viện. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm đánh giá chuyên cần, tự luận, báo cáo chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CĐR 2,7,9,10,11 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

cầm tay chỉ việc. Phương pháp lượng giá người học thông qua quan sát, giải quyết các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, hồ sơ học tập, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

13. Học phần Dinh dưỡng-Tiêu hóa

Học phần Dinh dưỡng-Tiêu hóa là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Dinh dưỡng-Tiêu hóa thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, giao bài tập, tự đọc tài liệu, thảo luận nhóm, thao tác mẫu, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học qua cầm tay chỉ việc. Phương pháp lượng giá người học thông qua quan sát, giải quyết các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, hồ sơ học tập, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

14. Học phần Tim mạch-Hô hấp

Học phần Tim mạch-Hô hấp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 2-3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Tim mạch-Hô hấp thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, giao bài tập, tự đọc tài liệu, thảo luận nhóm, thao tác mẫu, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học qua cầm tay chỉ việc. Phương pháp lượng giá người học thông qua quan sát, giải quyết các tình huống lâm sàng, viết báo cáo chuyên đề, hồ sơ học tập, vấn đáp tình huống trên bệnh nhân, thực hành thủ thuật có bảng kiểm, đánh giá ý thức, thái độ tham gia học tập của người học. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

15. Học phần Huyết học-Tiết niệu

Học phần Huyết học-Tiết niệu là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành được dạy-học ở kỳ học 3 trong chương trình đào tạo. Học phần này trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi, tiên lượng, dự phòng và thực hiện một số thủ thuật, kỹ thuật Huyết học-Tiết niệu thường gặp. Đồng thời người học cũng được trang bị kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về năng lực của mình trong hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học bằng bảng kiểm. Phương pháp dạy-học chủ yếu bằng thuyết trình, giao bài tập, tự đọc tài liệu, thảo luận nhóm, thao tác mẫu, nghiên cứu trường hợp, đóng vai, dạy-học bên giường bệnh, dạy-học qua cầm tay chỉ việc. Phương pháp lượng

thực hành trên người bệnh. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 2,3,4,5,6,7,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

19. Đề án tốt nghiệp

Đề án tốt nghiệp là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 2,3 và 4 của chương trình đào tạo. Học phần này sẽ giúp cho người học củng cố kiến thức, kỹ năng của khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành nhằm đáp ứng tất cả các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, tự đọc tài liệu, giao bài tập, dạy học nhóm nhỏ, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, viết báo cáo luận văn. Học viên sẽ được đánh giá thông qua hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1,2,3,4,5,6,7 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 8,9,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Nhi khoa.

XIII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình Thạc sĩ Nhi khoa gồm 36 giảng viên cơ hữu (1 giáo sư, 8 phó giáo sư, 18 tiến sĩ, 9 BS CKII) và 18 giảng viên thỉnh giảng (2 PGS, 14 tiến sĩ, 12 BS CKII. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như: Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên, Bệnh viện Nhi Trung ương và các bệnh viện thực hành khác.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường và phòng học có 54 phòng (10.549 m²), bệnh viện thực hành (5.020 m²), hội trường và thư viện (1.665 m²), nhà làm việc và các phòng nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ giảng viên (3.560 m²), luyện tập thể dục thể thao (2.319 m²). Hệ thống phòng học lý thuyết của Trường (trong đó có 04 phòng học thông minh, đa phương tiện) tại các khu giảng đường A, B, C được trang bị đủ thiết bị hỗ trợ giảng dạy: máy chiếu, hệ thống âm thanh, ánh sáng, thông gió và lắp đặt các thiết bị an toàn, phòng chống cháy nổ. Các phòng thực hành đào tạo kiến thức cơ bản, cơ sở ngành tại Nhà thực hành thí nghiệm 8 tầng gồm 14 phòng thực hành (4.320m²), được trang bị hệ thống hút khí thải, xử lý chất thải, ánh sáng, hệ thống PCCC tự động. Số lượng phòng học, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho người học thạc sĩ Nhi khoa.

Thư viện, phòng đọc có diện tích 1365m² có đủ thiết bị cơ bản như bàn, ghế, hệ thống làm mát, chiếu sáng, máy tính nối mạng internet, phần mềm tra cứu đáp ứng nhu cầu của độc giả để học tập và hoạt động nghiên cứu. Thư viện điện tử Trường <http://thuvien.tump.edu.vn>, có trên 12 nghìn biểu ghi, được tích hợp (cả điện tử và số) vào phần mềm Elib phục vụ tra cứu online các tài liệu bản in như: sách, luận văn, luận án, khóa luận. Thư viện có liên kết: Trung tâm học liệu của Đại học Thái Nguyên (<http://lrc.tnu.edu.vn>); Thư viện điện tử Trường ĐHYD Thành phố Hồ Chí Minh và Trường ĐHYD - Đại học Huế. Thư viện có đầy đủ sách giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho việc NCKH, giảng dạy và học tập của độc giả là CBVC, GV và học viên cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Nhi khoa.

Hệ thống CNTT được trang bị đầy đủ và cập nhật để hỗ trợ hoạt động đào tạo, đào tạo trực tuyến và NCKH cho Trường. Máy vi tính được nối mạng nội bộ và mạng Internet, lắp đặt tại phòng thực hành tin học, phòng thi trắc nghiệm, phòng đọc thư viện, các phòng chức năng, khoa và các bộ môn bảo đảm đủ phục vụ cho giảng viên và người học.

XV. Ngày phê duyệt: 01/8/2024

XVI. Thành phần phê duyệt

Tổ rà soát
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Tuấn Vũ

**Hội đồng thẩm định
khoa/bộ môn**
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Xuân Hương

Phòng Đào tạo
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Mạnh

**Chủ tịch Hội đồng
KH&ĐT Trường**
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tiên Dũng

